TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94 /2022/HNGĐ- ST
Ngày 14/10/2022.
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Ngô Rô Be**
2. Ông Nguyễn Minh Ngọc
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 08 năm 2022 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kiều O**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 05, ấp Đ P, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

***- Bị Đơn*:** Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1969 (vắng mặt không lý do).
Địa chỉ: tổ 05, ấp Đ P, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C S X H V N

Địa chỉ: số 169, Phố L Đ, phường H L, quận H M, TP. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc P, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C S X H V N huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quyết định ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/09/2019.

Ông Nguyễn Khắc P ủy quyền lại cho bà Lê Thị Tuyết L, chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C S X H V N huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (theo quyết định ủy quyền số: 29/QĐ – PGD ngày 18/02/2020) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Kiều O trình bày: Tôi và anh Nguyễn Thanh P chung sống với nhau vào đầu năm 1997, có tổ chức đám cưới và

không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, tôi và anh P có quen biết và có tìm hiểu nhau 01 năm và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng tôi thường xuyên chửi tôi những điều thô tục và đánh tôi, vợ chồng có nhiều điều bất đồng trong quan điểm cuộc sống hôn nhân, thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 17/10/2003, hiện nay cháu đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không có.

- Về phần nợ chung: nợ Ngân Hàng C S X H V N tính đến ngày 12/09/2022 số tiền gốc và lãi là 22.373.649đ (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 12/07/2022 là 2.373.649đ (hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Tại phiên tòa bà O yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

Về quan hệ con chung: cháu Nguyễn Trung N hiện nay đã trưởng thành

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tôi yêu cầu chia đôi nợ chung, tôi trả 11.186.824đ cho Ngân hàng C S X H V N, anh Nguyễn Thanh P trả 11.186.824đ cho Ngân hàng C S X H V N là hết nợ.

*** Bị đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày**: Theo bản tự khai ngày 20/09/2022 của anh Nguyễn Thanh P trình bày: tôi và cô Nguyễn Kiều O chung sống với nhau vào năm 1997, có tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, tôi và cô O có quen biết và có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn thua lỗ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến mất hạnh phúc.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 17/10/2003, hiện nay cháu đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không có.

- Về phần nợ chung: nợ Ngân hàng C S X H V N tính đến ngày 12/09/2022 số tiền gốc và lãi là 22.373.649đ (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính

đến ngày 12/07/2022 là 2.373.649đ (hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Tại Tòa án ông Nguyễn Thanh P yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Kiều O.

Về quan hệ con chung: cháu Nguyễn Trung N hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tôi đồng ý chia đôi nợ chung, tôi trả 11.186.824đ cho Ngân hàng C S X H V N, cô Nguyễn Kiều O trả 11.186.824đ cho Ngân hàng C S X H V N là hết nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C S X H V N – Đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Tuyết L trình bày: Nguyên vào ngày 01/07/2013, ông Nguyễn Thanh P mã khách hàng 031804 có ký kết hợp đồng vay vốn Ngân Hàng C S X H V N với số tiền tổng cộng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) mức lãi suất trong hạn là 0,845%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,098%/tháng,thời hạn vay là 36 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/07/2016, phân kỳ trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền là 7.000.000đ/lần, hình thức vay vốn chương trình hộ cận nghèo, mục đích vay là để mua máy may công nghiệp. Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/09/2022 là 2.373.649đ (hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng). Vậy tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi quá hạn tính đến 12/09/2022 mà ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Kiều O còn nợ Ngân Hàng C S X H V N là 22.373.649đ (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Do hiện nay ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Kiều O đang tranh chấp trong vụ kiện "Ly hôn". Và số tiền nợ 22.373.649đ (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng) này là tiền mà ông Nguyễn Thanh P đã vay của Ngân Hàng C S X H V N để mua máy may công nghiệp nhằm mục đích phát triển kinh tế, cải thiện cuộc sống gia đình.

Nay tại phiên tòa, Ngân hàng C S X H V N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Kiều O trả cho Ngân Hàng C S X H V N số tiền là 22.373.649đ (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/09/2022 là 2.373.649đ (hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng). Còn việc ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Kiều O tranh chấp trong vụ kiện "Ly hôn" thì Ngân Hàng C S X H V N không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** anh Nguyễn Thanh P với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Thanh P vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Nguyễn Thanh P, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh P là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Kiều O và ông Nguyễn Thanh P là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì bà Nguyễn Kiều O và ông Nguyễn Thanh P chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Kiều O và ông Nguyễn Thanh P không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì bà Nguyễn Kiều O và ông Nguyễn Thanh P chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Kiều O và ông Nguyễn Thanh P là vợ chồng là có cơ sở.

[4] **Về tài sản chung**: do bà Nguyễn Kiều O và ông Nguyễn Thanh P không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] **Về nợ chung**: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Kiều O, ông Nguyễn Thanh P thừa nhận còn nợ Ngân hàng C S X H V N số tiền gốc và lãi là 22.373.649đ (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 12/09/2022 là 2.373.649đ (hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng). Do hiện nay bà Nguyễn Kiều O, ông Nguyễn Thanh P đang gặp khó khăn về kinh tế. Bà O, ông P xin trả nợ dần vào ngày 01 hàng tháng cho Ngân Hàng C S X H V N số tiền là 1.000.000đ/1tháng cho đến khi hết nợ. Thời hạn trả nợ bắt đầu cụ thể vào ngày 01/11/2022, bà O, ông P trả

1.000.000đ (một triệu đồng) và cứ thế tiếp tục trả cho đến khi hết nợ. Lời yêu cầu trả nợ dần của bà O, ông P thì đại diện theo ủy quyền Ngân Hàng C S X H V N là bà Lê Thị Tuyết L không đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[6] Xét yêu cầu của Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết L yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Kiều O, ông Nguyễn Thanh P trả nợ cho Ngân hàng C S X H V N tổng số tiền gốc và tiền lãi quá hạn là 22.373.649đ (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì tại thời điểm vào ngày 01/07/2013 bà Nguyễn Kiều O, ông Nguyễn Thanh P có vay của Ngân hàng C S X H V N số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 0,845%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,098%/tháng. Phương thức thanh toán: phân kỳ trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền trả là 7.000.000đ/lần.

Đến hạn trả nợ thì từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến nay bà O, ông P vẫn chưa trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng C S X H V N, mặc dù ngân hàng có đến đòi nợ nhiều lần nhưng bà O, ông P không thực hiện việc trả nợ.

Nay đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Kiều O, ông Nguyễn Thanh P trả cho Ngân hàng C S X H V N số tiền gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/9/2022 là 2.373.649đ (hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng) – (theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 26/5/2022 của Ngân hàng C S X H V N). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi quá hạn là 22.373.649đ (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà O, ông P trả hết nợ cho Ngân hàng C S X H V N. Lời yêu cầu của ông Nguyễn Khắc P phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: bà Nguyễn Kiều O phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006043 ngày 09/08/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Bà O đã nộp đủ.

[8] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Kiều O, ông Nguyễn Thanh P phải nộp: 22.373.649đ x 5% = 1.118.682đ tính tròn là 1.119.000đ (một triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản1 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Kiều O và ông Nguyễn Thanh P là vợ chồng.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C S X H V N.

3. Buộc bà Nguyễn Kiều O, ông Nguyễn Thanh P trả cho Ngân hàng C S X H V N tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi quá hạn là 22.373.649đ (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Kiều O, ông Nguyễn Thanh P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong khế ước số: 08000000000008A ngày 01/07/2013 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C S X H V N thì lãi suất mà bà Nguyễn Kiều O, ông Nguyễn Thanh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C S X H V N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C S X H V N.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Kiều O nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006043 ngày 09/08/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Bà Nguyễn Kiều O đã nộp đủ.

5. Về án phí DSST: Buộc bà Nguyễn Kiều O, ông Nguyễn Thanh P nộp 1.119.000đ (một triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Nguyễn Kiều O, Ngân hàng C S X H V N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho ông Nguyễn Thanh P biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật